

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2023.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Th và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Th**, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn C, xã L X, huyện B G, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Hữu H**, sinh 1978, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã L X, huyện B G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Hà Lan.

- Người làm chứng: Ông **Vũ Hữu N**, sinh năm 1987 (bố đẻ anh H)

Địa chỉ: Đội 5, thôn C, xã L X, huyện B G, tỉnh Hải Dương.

Chị Th, anh H và ông N đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Phan Thị Th trình bày: Chị và anh Vũ Hữu H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L X ngày 08/3/2012 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau ngày cưới vợ chồng tổ chức sống chung được hơn 02 năm thì anh H đi xuất khẩu lao động tại Hà Lan năm 2014. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Đến năm 2016, chị và anh H đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, không có tiếng nói chung do nghi ngờ sự chung thủy, mỗi lần gọi điện thoại thì vợ chồng lại cãi nhau, không muốn nói chuyện, anh H cũng không muốn quay về Việt Nam chung

sống với chị nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Hữu Minh Ph, sinh ngày 24/11/2012 và Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 31/10/2014, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyện vọng của chị tiếp tục được nuôi dưỡng 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi các con và cam kết có đủ khả năng, điều kiện chăm sóc con chung cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H tại Hà Lan vì anh H không cho chị biết địa chỉ.

- Ông Vũ Hữu N (là bố đẻ anh H) trình bày: Chị Th và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L X, huyện B G, tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2012. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận, đến năm 2014 thì anh H đi lao động tại Hà Lan. Đến năm 2016 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn căng thẳng. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh H biết về việc chị Th làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh H không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại anh H có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, sống ly thân nhiều năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn, không muốn quay về chung sống với chị Th nữa nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; anh H cũng đồng ý để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Tại công văn số 11807/QLXNC-P5 ngày 19/5/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Vũ Hữu H, sinh ngày 10/5/1978, có thông tin xuất xuất cảnh ngày 24/3/2014 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất bằng hộ chiếu số B8226813, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tổ tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Th được ly hôn anh Vũ Hữu H; Về con chung: Giao chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Hữu Minh Ph, sinh ngày 24/11/2012 và Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 31/10/2014 cho đến khi các con trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi các con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét

tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

Anh Vũ Hữu H là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Hà Lan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị Th và ông N (bố đẻ anh H) cung cấp địa chỉ của anh H nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L X, huyện B G, tỉnh Hải Dương ngày 08/3/2012. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống sống vui vẻ, hòa thuận được khoảng hơn 02 năm thì mỗi người sống một nơi do anh H đi lao động tại Hà Lan. Đến năm 2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, không có tiếng nói chung do nghi ngờ sự chung thủy, mỗi lần gọi điện thoại về vợ chồng lại cãi nhau, không muốn nói chuyện, anh H cũng không muốn quay về Việt Nam chung sống với chị Th nữa. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H. Thông qua gia đình, anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên sống xa nhau nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống, không muốn quay về chung sống với chị Th nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị Th được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Th, anh H có 02 con chung là Vũ Hữu Minh Ph, sinh ngày 24/11/2012 và Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 31/10/2014, hiện đang do chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th có nguyện vọng xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung, cháu Minh Ph và cháu Hoàng Ng mong muốn được ở với mẹ, anh H cũng nhất trí để chị Th trực tiếp tục được nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy anh H hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang do chị Th trực tiếp chăm sóc đảm bảo về mọi mặt cho con nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Vũ Hữu Minh Ph và cháu Vũ Hoàng Ng cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Th được ly hôn anh Vũ Hữu H.

2. Về con chung: Giao chị Phan Thị Th trực tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Vũ Hữu Minh Ph, sinh ngày 24/11/2012 và Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 31/10/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0004872 ngày 28/4/2023. Chị Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L X, huyện B G (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang